BỘ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: /TTr-BVHTTDL	*Hà Nội, ngày tháng năm 2026*

DỰ THẢO

TỜ TRÌNH
Dự thảo Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xuất bản

Kính gửi: Chính phủ

Ngày 24 tháng 8 năm 2026, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xuất bản (Luật số 17/2026/QH16) đã được Quốc hội khóa XVI thông qua tại kỳ họp không thường lệ thứ Nhất (sau đây gọi chung là Luật).

Căn cứ nội dung của Luật quy định giao Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành; thực hiện nhiệm vụ được Thủ tướng Chính phủ giao[1], Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch kính trình Chính phủ dự thảo Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xuất bản (sau đây gọi là dự thảo Nghị định). Nội dung dự thảo Nghị định được xây dựng trên cơ sở Luật Xuất bản số 19/2012/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Luật số 17/2026/QH16, bảo đảm phân định nội dung được giao quy định chi tiết với biện pháp tổ chức thi hành thuộc thẩm quyền của Chính phủ. Nghị định này dự kiến thay thế Nghị định số 195/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xuất bản[2].

Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch trân trọng báo cáo như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH NGHỊ ĐỊNH

1. Cơ sở chính trị, pháp lý

a) Cơ sở chính trị

Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng xác định nhiệm vụ sắp xếp hoạt động xuất bản, in và phát hành theo hướng tinh gọn, chất lượng, hiện đại. Nghị quyết Đại hội XIV của Đảng tiếp tục định hướng xây dựng nền báo chí, xuất bản, truyền thông chuyên nghiệp, nhân văn, hiện đại; phát triển các loại hình truyền thông trên nền tảng số, gắn hoạt động xuất bản với công nghiệp văn hóa, công nghiệp nội dung số và kinh tế tri thức.

Nghị quyết số 33-NQ/TW ngày 09 tháng 6 năm 2014 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt

---

[1] Tại Quyết định số 1772/QĐ-TTg ngày 12/9/2026 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Danh mục và phân công cơ quan chủ trì soạn thảo văn bản quy định chi tiết thi hành các luật, nghị quyết được Quốc hội khóa XVI thông qua tại Kỳ họp không thường lệ thứ Nhất.

[2] Nghị định số 195/2013/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị định số 150/2018/NĐ-CP và Nghi định số 104/2022/NĐ-CP.

Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước; Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22 tháng 12 năm 2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia; Nghị quyết số 66-NQ/TW ngày 30 tháng 4 năm 2025 của Bộ Chính trị về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới; Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 04 tháng 5 năm 2025 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế tư nhân đặt ra yêu cầu hoàn thiện thể chế, nâng cao hiệu quả quản lý, đơn giản hóa thủ tục hành chính và tạo điều kiện cho các chủ thể tham gia phát triển hoạt động xuất bản.

Nghị quyết số 80-NQ/TW ngày 07 tháng 01 năm 2026 của Bộ Chính trị về phát triển văn hóa Việt Nam và Chỉ thị số 04-CT/TW ngày 17 tháng 3 năm 2026 của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với hoạt động xuất bản trong tình hình mới đặt ra yêu cầu hoàn thiện pháp luật về văn hóa, xuất bản, quyền tác giả và công nghiệp văn hóa; tháo gỡ các điểm nghẽn về thể chế; phát triển xuất bản chuyên nghiệp, nhân văn, hiện đại, gắn với khoa học, công nghệ, chuyển đổi số và hội nhập quốc tế.

Đồng thời, Kết luận số 18-KL/TW ngày 02 tháng 4 năm 2026 của Hội nghị lần thứ hai Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIV về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, tài chính quốc gia và vay, trả nợ công, đầu tư công trung hạn 5 năm 2026 - 2030 gắn với thực hiện mục tiêu phấn đấu tăng trưởng "2 con số" xác định mục tiêu tăng trưởng GDP bình quân từ 10%/năm trở lên; yêu cầu tháo gỡ rào cản thể chế, chuyển mạnh phương thức quản lý từ tiền kiểm sang hậu kiểm gắn với kiểm tra, giám sát; đẩy mạnh phân cấp, phân quyền, cải cách và số hóa thủ tục hành chính, giảm thời gian và chi phí tuân thủ. Kết luận cũng yêu cầu phát triển công nghiệp văn hóa, quản lý hiệu quả thị trường sản phẩm, dịch vụ văn hóa số và khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực này. Việc xây dựng Nghị định nhằm cụ thể hóa các chủ trương này trong phạm vi được Luật giao và thẩm quyền của Chính phủ.

Nghị quyết số 66/NQ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ về Chương trình cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh năm 2025 và 2026 đặt ra yêu cầu rà soát, cắt giảm thời gian giải quyết và chi phí tuân thủ, đẩy mạnh thực hiện thủ tục trên môi trường điện tử và sử dụng lại thông tin, giấy tờ đã có. Việc xây dựng Nghị định phải cụ thể hóa yêu cầu này trên cơ sở đánh giá từng thủ tục và điều kiện tổ chức thực hiện.

b) Cơ sở pháp lý

Luật Xuất bản số 19/2012/QH13, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 35/2018/QH14, Luật Quy hoạch số 112/2025/QH15 và Luật số 17/2026/QH16, là căn cứ pháp lý trực tiếp để xây dựng Nghị định. Nội dung Luật sau sửa đổi được thể hiện tại Văn bản hợp nhất số 165/2026/VBHN-LQ-VPQH ngày 29 tháng 9 năm 2026 của Văn phòng Quốc hội (sau đây gọi là Luật). Luật số 17/2026/QH16 được Quốc hội thông qua ngày 24 tháng 8 năm 2026, có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 3 năm 2027; riêng quy định về in xuất khẩu xuất bản phẩm tại khoản 21 Điều 1 có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2029. Việc xác định phạm

vi, nội dung và thời điểm áp dụng của Nghị định phải tuân thủ các quy định này và Điều 3 của Luật số 17/2026/QH16 về chuyển tiếp.

Quyết định số 1772/QĐ-TTg ngày 12/9/2026 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Danh mục và phân công cơ quan chủ trì soạn thảo văn bản quy định chi tiết thi hành các luật, nghị quyết được Quốc hội khóa XVI thông qua tại Kỳ họp không thường lệ thứ Nhất giao Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch chủ trì xây dựng Nghị định. Theo mục 17 của Danh mục, các nội dung được giao gồm: khoản 3 Điều 13 và Điều 52 của Luật Xuất bản số 19/2012/QH13; các khoản 8, 9, 10, 11, 13, 14, 15, 16, 17, 18, 19, 20, 21, 22, 23, 24, 25, 26, 27, 29, 32 và điểm e khoản 33 Điều 1; điểm c khoản 3 Điều 3 của Luật số 17/2026/QH16.

2. Cơ sở thực tiễn

Qua thời gian thực hiện, Nghị định số 195/2013/NĐ-CP và các quy định sửa đổi, bổ sung đã tạo cơ sở pháp lý cho hoạt động xuất bản, in, phát hành xuất bản phẩm và việc thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước. Tuy nhiên, Luật sau sửa đổi đã thay đổi phạm vi chủ thể tham gia hoạt động xuất bản, cơ chế quản lý, thẩm quyền giải quyết và yêu cầu đối với môi trường số. Vì vậy, cần ban hành Nghị định thay thế để cụ thể hóa các nội dung Luật giao, xử lý sự không đồng bộ giữa quy định hiện hành với Luật và bảo đảm việc tổ chức thi hành được liên tục. Sự cần thiết ban hành Nghị định được thể hiện trên các phương diện sau:

Thứ nhất, các quy định về điều kiện thành lập, tổ chức và hoạt động của nhà xuất bản; tiêu chuẩn lãnh đạo; chứng chỉ hành nghề biên tập; đăng ký kế hoạch xuất bản; liên kết; thẩm định và lưu chiểu đã được sửa đổi. Luật xác định rõ trách nhiệm thẩm định bản thảo của nhà xuất bản, trách nhiệm phê duyệt kế hoạch của cơ quan chủ quản và trách nhiệm xác nhận đăng ký của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. Nghị định cần quy định đầy đủ hồ sơ, trình tự, thời hạn và mối liên hệ giữa các công đoạn này; không để việc phê duyệt, xác nhận thay thế trách nhiệm biên tập, quyết định nội dung và quyết định phát hành của nhà xuất bản theo các điều 18, 22, 23, 24 và 28 của Luật.

Thứ hai, Luật chuyển cơ chế quản lý đối với hoạt động phát hành, kinh doanh nhập khẩu, nhập khẩu xuất bản phẩm, triển lãm, hội chợ và kinh doanh phát hành xuất bản phẩm điện tử sang thông báo, cập nhật dữ liệu và kiểm tra việc tuân thủ. Cần xác định rõ chủ thể, nội dung, thời điểm, phương thức thông báo; trách nhiệm tiếp nhận, lưu giữ, công khai thông tin, kiểm tra và xử lý vi phạm. Việc xác nhận giao nhận chỉ chứng minh nghĩa vụ gửi, nhận; thời gian cập nhật hoặc xem xét thông báo của cơ quan quản lý không được trở thành thời gian chờ chấp thuận trước khi chủ thể thực hiện quyền đã được Luật quy định.

Thứ ba, sự phát triển của xuất bản phẩm điện tử, dịch vụ trung gian phát hành và việc ứng dụng trí tuệ nhân tạo đặt ra yêu cầu cụ thể hóa các điều 4, 23, 27, 45, 50 và 51 của Luật. Quy định phải bao quát nhận diện xuất bản phẩm, công bố việc sử dụng trí tuệ nhân tạo, kiểm soát phiên bản nội dung, nguồn gốc và quyền khai thác hợp pháp; đồng thời bảo đảm khả năng lưu chiểu, lưu trữ, truy xuất và phối hợp ngăn chặn, gỡ bỏ nội dung vi phạm. Đối với nhập khẩu quyền truy cập hoặc tệp điện tử, cần phân biệt việc tiếp nhận nội dung với việc được chuyển giao quyền

sao chép, phân phối, truyền đạt đến công chúng; bảo vệ quyền tác giả, dữ liệu cá nhân và quyền truy cập đã được xác lập hợp pháp của người sử dụng.

Thứ tư, việc thay đổi thẩm quyền quản lý theo Luật đòi hỏi quy định rõ trách nhiệm của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp xã và cơ chế phối hợp, chuyển giao hồ sơ, dữ liệu. Cần đồng thời hướng dẫn việc tiếp tục sử dụng giấy phép, văn bản, giấy xác nhận, chứng chỉ đã cấp; giải quyết hồ sơ đã tiếp nhận; miễn thông báo hoạt động đối với chủ thể thuộc diện chuyển tiếp; bổ sung điều kiện, tiêu chuẩn và thực hiện thủ tục đối với chi nhánh, địa điểm kinh doanh. Các nội dung này phải thống nhất với từng trường hợp, thời hạn tại khoản 3 Điều 3 của Luật số 17/2026/QH16, tránh yêu cầu thực hiện lại thủ tục hoặc gián đoạn hoạt động hợp pháp.

Với cơ sở chính trị, pháp lý và thực tiễn nêu trên, việc xây dựng Nghị định nhằm cụ thể hóa các nội dung trong phạm vi được Luật giao và thực hiện quản lý nhà nước thuộc thẩm quyền của Chính phủ là hết sức cần thiết

II. MỤC ĐÍCH BAN HÀNH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG NGHỊ ĐỊNH

1. Mục đích ban hành Nghị định

Quy định đầy đủ, rõ ràng và có khả năng thi hành đối với các nội dung Luật giao Chính phủ quy định chi tiết; xác định các biện pháp tổ chức, hướng dẫn thi hành thuộc thẩm quyền, bảo đảm các quy định cần thiết được áp dụng đồng thời với Luật. Đối với lĩnh vực in xuất khẩu xuất bản phẩm, xác định riêng thời điểm áp dụng theo khoản 2 Điều 3 của Luật số 17/2026/QH16 và cơ chế thực hiện trong thời gian chuyển tiếp.

Hoàn thiện cơ chế quản lý hoạt động xuất bản, in và phát hành xuất bản phẩm trên cơ sở xác định rõ quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm của từng chủ thể; công khai thẩm quyền, hồ sơ, trình tự và thời hạn giải quyết; nâng cao hiệu quả phòng ngừa, phát hiện và xử lý vi phạm. Bảo đảm trách nhiệm của cơ quan chủ quản, nhà xuất bản, đối tác liên kết, cơ sở in, cơ sở phát hành, cơ sở nhập khẩu và cơ sở cung cấp dịch vụ trung gian được thực hiện theo đúng phạm vi Luật quy định.

Đơn giản hóa thủ tục hành chính, sử dụng lại thông tin đã có giá trị pháp lý, giảm yêu cầu kê khai trùng lặp; tạo điều kiện phát triển xuất bản phẩm điện tử và khai thác hợp pháp các giá trị từ xuất bản phẩm. Xây dựng cơ chế dữ liệu dùng chung, định danh và truy xuất nguồn gốc phục vụ quản lý; bảo đảm sự liên tục khi chuyển đổi thẩm quyền, phương thức thực hiện và điều chỉnh, chấm dứt hoạt động.

2. Quan điểm xây dựng Nghị định

Bám sát chủ trương của Đảng, quy định của Luật và nhiệm vụ được giao; bảo đảm tính hợp hiến, hợp pháp, thống nhất của hệ thống pháp luật và phù hợp với điều ước quốc tế có liên quan mà Việt Nam là thành viên. Việc quy định chi tiết phải căn cứ đúng điều, khoản, điểm giao thẩm quyền; không làm thay đổi đối tượng, phạm vi quyền, nghĩa vụ, điều kiện hoặc ngoại lệ đã được Luật xác định.

Kế thừa các quy định còn phù hợp của Nghị định hiện hành; sửa đổi, bổ sung hoặc lược bỏ nội dung không còn phù hợp với Luật. Phân biệt nội dung quy định

chi tiết với biện pháp tổ chức thi hành; không đặt ra điều kiện đầu tư kinh doanh, thành phần hồ sơ, thủ tục hoặc nghĩa vụ ngoài thẩm quyền. Đối với quy định có liên quan đến sở hữu trí tuệ, giao dịch điện tử, thương mại điện tử, dữ liệu, an ninh mạng và bảo vệ bí mật nhà nước, thực hiện dẫn chiếu, phối hợp áp dụng, không thay thế cơ chế quản lý của pháp luật chuyên ngành.

Đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính gắn với phân định rõ thẩm quyền và trách nhiệm kiểm tra, giám sát. Bảo đảm cơ chế thông báo được thực hiện theo đúng Luật, không yêu cầu chấp thuận nội dung thông báo; đồng thời duy trì đầy đủ trách nhiệm quản lý nội dung xuất bản phẩm, quyền tác giả, quyền liên quan, nguồn gốc hợp pháp và việc chấp hành quyết định xử lý của cơ quan có thẩm quyền.

Quy định phù hợp với sự phát triển công nghệ, có khả năng thực hiện bằng phương tiện điện tử; gắn yêu cầu số hóa với điều kiện hạ tầng, nhân lực và kinh phí thực tế. Quy định chuyển tiếp phải xác định rõ đối tượng, thời hạn, trách nhiệm thực hiện và giá trị sử dụng của giấy tờ đã cấp; phân biệt thời hạn bổ sung điều kiện, tiêu chuẩn với thời hạn chuyển giao hồ sơ và thực hiện thủ tục đối với chi nhánh, địa điểm kinh doanh.

III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG NGHỊ ĐỊNH

1. Tổng kết việc thi hành Nghị định số 195/2013/NĐ-CP và các quy định sửa đổi, bổ sung; rà soát chủ trương, đường lối của Đảng, văn bản quy phạm pháp luật, điều ước quốc tế có liên quan. Lập danh mục nội dung Luật giao Chính phủ quy định chi tiết, nội dung thuộc thẩm quyền hướng dẫn của Bộ trưởng và biện pháp tổ chức thi hành; xác định quy định kế thừa, sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ và căn cứ của từng phương án.

2. Xây dựng dự thảo Nghị định, dự thảo Tờ trình, bản so sánh, thuyết minh nội dung dự thảo Nghị định và các tài liệu đánh giá có liên quan. Bản so sánh phải thể hiện đầy đủ, chính xác nội dung điều khoản của dự thảo Nghị định tại vị trí đối chiếu tương ứng; phần thuyết minh làm rõ căn cứ, nội dung kế thừa và nội dung thay đổi. Rà soát đồng thời dự thảo Thông tư để bảo đảm thống nhất về phạm vi, thẩm quyền, biểu mẫu và phương thức tổ chức thực hiện.

3. Tổ chức lấy ý kiến các bộ, cơ quan ngang bộ, địa phương, cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan và đối tượng chịu sự tác động trực tiếp; thực hiện phản biện xã hội và đăng tải hồ sơ lấy ý kiến theo quy định.

4. Tổng hợp, nghiên cứu, tiếp thu, giải trình ý kiến theo từng nhóm nội dung; hoàn thiện dự thảo Nghị định và đánh giá thủ tục hành chính, phân quyền, phân cấp, nguồn lực thực hiện, ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số. Rà soát tác động đối với cơ quan chủ quản, nhà xuất bản, cơ sở in, cơ sở phát hành, cơ sở nhập khẩu, cơ sở cung cấp dịch vụ trung gian và người sử dụng; đánh giá nội dung về bình đẳng giới, chính sách dân tộc nếu có quy định liên quan. Kết quả đánh giá được tổng hợp theo nhóm thủ tục ban hành mới, sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ hoặc hợp nhất; nội dung phân định thẩm quyền; điều kiện triển khai công nghệ, dữ liệu; khả năng tiếp cận bình đẳng của các nhóm đối tượng.

Các kiến nghị được đối chiếu với phiên bản dự thảo Nghị định trình Chính phủ trước khi tiếp thu, bảo đảm thống nhất dẫn chiếu, hồ sơ, thời hạn và cơ quan giải quyết.

5. Gửi Bộ Tư pháp thẩm định; nghiên cứu, tiếp thu, giải trình đầy đủ ý kiến thẩm định; rà soát lần cuối về căn cứ pháp lý, thẩm quyền, tính thống nhất, tính khả thi, thủ tục hành chính và kỹ thuật trình bày. Hoàn thiện dự thảo Nghị định, Tờ trình, bản so sánh, thuyết minh và các tài liệu khác trong cùng một phiên bản để trình Chính phủ theo tiến độ được giao.

IV. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA NGHỊ ĐỊNH

1. Về tên gọi của Nghị định

Trên cơ sở đánh giá các nội dung được Luật giao và để bảo đảm thi hành Luật cũng như thực hiện công tác quản lý nhà nước của Chính phủ, căn cứ điểm a và điểm b khoản 1 Điều 14 của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, tên gọi của dự thảo Nghị định được xác định là "Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xuất bản". Tên gọi này bảo đảm bao quát phạm vi quy định chi tiết và tổ chức thi hành Luật, đồng thời phù hợp với hình thức ban hành Nghị định thay thế.

2. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

a) Phạm vi điều chỉnh

Khoản 1 Điều 1 dự thảo Nghị định xác định các nội dung quy định chi tiết theo điều, khoản, điểm của Luật Xuất bản sau khi được sửa đổi, bổ sung, gồm:

- Các hình thức điện tử khác của xuất bản phẩm điện tử (điểm b khoản 5 Điều 4); văn phòng đại diện của nhà xuất bản, tổ chức phát hành nước ngoài (khoản 2 Điều 8); điều kiện thành lập nhà xuất bản (khoản 3 Điều 13); cấp, cấp lại, thu hồi giấy phép và đình chỉ hoạt động nhà xuất bản (khoản 5 Điều 14); chấp thuận nhân sự lãnh đạo (khoản 2 Điều 16); tiêu chuẩn lãnh đạo (điểm b khoản 1 Điều 17); chứng chỉ hành nghề biên tập (khoản 5 Điều 20).

- Đăng ký kế hoạch xuất bản (khoản 5 Điều 22); liên kết của nhà xuất bản (khoản 5 Điều 23); danh mục phải thẩm định (khoản 1 Điều 24); tài liệu không kinh doanh (điểm đ khoản 1 và khoản 4 Điều 25); thông tin ghi trên xuất bản phẩm (khoản 2 Điều 27); miễn thẩm định, số lượng, thời hạn lưu giữ lưu chiểu, thời hạn cho ý kiến trước phát hành và nộp cho Thư viện Quốc gia Việt Nam (điểm c khoản 5 và khoản 8 Điều 28).

- Trường hợp chủ sở hữu cơ sở in có yếu tố nước ngoài, cấp phép hoạt động in (điểm c khoản 3 và khoản 7 Điều 32); chế bản, in, gia công sau in (khoản 2 Điều 33); cấp phép in xuất khẩu và thẩm định nội dung (khoản 7 Điều 34); hoạt động phát hành (khoản 4 Điều 36); kinh doanh nhập khẩu (khoản 7 Điều 38); nhập khẩu để kinh doanh (khoản 6 Điều 39); thông báo, ngăn chặn tạm thời và xử lý vi phạm (điểm g khoản 1 Điều 40).

- Các trường hợp nhập khẩu không kinh doanh khác và việc chuyển giao sau sử dụng (điểm g khoản 1 và khoản 4 Điều 42); triển lãm, hội chợ (khoản 3 Điều

44); xuất bản, phát hành, nhập khẩu xuất bản phẩm điện tử; yêu cầu đối với cơ sở cung cấp dịch vụ trung gian phát hành và cơ chế quản trị phục vụ ngăn chặn, gỡ bỏ hoặc hạn chế truy cập nội dung vi phạm; chuyển xuất bản phẩm điện tử sang xuất bản phẩm in (điểm b khoản 4, khoản 6 Điều 45, khoản 4 Điều 51 và Điều 52).

Khoản 2 Điều 1 xác định các biện pháp tổ chức, hướng dẫn thi hành về hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu; thủ tục hành chính và gửi, tiếp nhận, xác nhận giao nhận thông báo; định danh, truy xuất nguồn gốc; phối hợp liên ngành; thông tin, báo cáo; trách nhiệm của cơ quan chủ quản; ký duyệt bản thảo; trách nhiệm của cơ sở in và bên đặt in; tổ chức nộp, quản lý, đọc, kiểm tra, thẩm định lưu chiểu. Các biện pháp này được xây dựng trên cơ sở nhiệm vụ quản lý tại Điều 6, trách nhiệm của cơ quan chủ quản tại Điều 16, nhiệm vụ của lãnh đạo nhà xuất bản tại Điều 18, quản lý lưu chiểu tại Điều 28 và trách nhiệm của các chủ thể theo Luật; nội dung áp dụng chung được quy định tại các điều 3, 4, 5, 6 và 11, nội dung chuyên ngành được cụ thể hóa tại các chương tương ứng.

Khoản 2 Điều 1 còn xác định các biện pháp về điều chỉnh, chấm dứt hoạt động, thu hồi hoặc chấm dứt việc thực hiện giấy phép; xử lý xuất bản phẩm, bản thảo, hồ sơ, dữ liệu, hợp đồng và các quyền, nghĩa vụ còn tồn tại; ban hành, công khai, sử dụng mẫu, biểu mẫu. Điểm i khoản 2 Điều 1 và Điều 59 quy định thời hạn đáp ứng điều kiện, tiêu chuẩn, việc cấp lại giấy phép, giấy xác nhận, chứng chỉ và tổ chức thực hiện các nội dung chuyển tiếp theo Điều 3 của Luật số 17/2026/QH16. Những biện pháp này không làm chấm dứt trách nhiệm đối với vi phạm đã thực hiện, không thay thế nghĩa vụ theo hợp đồng và phải bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp của tác giả, chủ thể quyền, đối tác và người sử dụng.

b) Đối tượng áp dụng

Cơ quan quản lý nhà nước về hoạt động xuất bản; cơ quan chủ quản nhà xuất bản; nhà xuất bản; cơ sở in, cơ sở phát hành, cơ sở nhập khẩu; tổ chức, cá nhân tham gia liên kết, cung cấp dịch vụ trung gian phát hành xuất bản phẩm và các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có quyền, nghĩa vụ liên quan thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật Xuất bản.

3. Bố cục của dự thảo Nghị định

Dự thảo Nghị định gồm 06 chương, 60 điều, cụ thể như sau:

- Chương I. Những quy định chung, gồm 11 điều (từ Điều 1 đến Điều 11).

- Chương II. Lĩnh vực xuất bản, gồm 23 điều (từ Điều 12 đến Điều 34).

- Chương III. Lĩnh vực in xuất bản phẩm, gồm 09 điều (từ Điều 35 đến Điều 43).

- Chương IV. Lĩnh vực phát hành xuất bản phẩm, gồm 07 điều (từ Điều 44 đến Điều 50).

- Chương V. Xuất bản, phát hành xuất bản phẩm điện tử, gồm 07 điều (từ Điều 51 đến Điều 57).

- Chương VI. Điều khoản thi hành, gồm 03 điều (từ Điều 58 đến Điều 60).

Kèm theo dự thảo Nghị định là 01 Phụ lục quy định danh mục tác phẩm, tài liệu nhà xuất bản phải thẩm định bản thảo trước khi đăng ký kế hoạch xuất bản theo khoản 1 Điều 24 của Luật, gồm 05 nhóm nội dung về lãnh tụ, lãnh đạo đất nước; lịch sử cách mạng Việt Nam; chủ quyền quốc gia; anh hùng dân tộc; an ninh quốc gia.

4. Nội dung cơ bản

Dự thảo Nghị định kế thừa các quy định còn phù hợp của Nghị định số 195/2013/NĐ-CP, đồng thời cụ thể hóa Luật sau sửa đổi theo hai nhóm nội dung tương ứng với khoản 1 và khoản 2 Điều 1 của dự thảo Nghị định. Nhóm thứ nhất quy định chi tiết các nội dung được Luật giao Chính phủ; nhóm thứ hai xác định các biện pháp tổ chức, hướng dẫn thi hành nhằm bảo đảm thực hiện thống nhất quyền, nghĩa vụ của cơ quan, tổ chức, cá nhân và phục vụ công tác quản lý nhà nước. Các nội dung có liên quan trong cùng một điều khoản được thuyết minh theo tính chất, phạm vi tương ứng, bảo đảm gắn quy định chi tiết với điều kiện tổ chức thực hiện.

a) Quy định chi tiết các nội dung được Luật giao Chính phủ

- Về các hình thức điện tử khác của xuất bản phẩm điện tử (Điều 2): thực hiện điểm b khoản 5 Điều 4 của Luật, được xác định tại điểm a khoản 1 Điều 1 dự thảo Nghị định, quy định các hình thức thể hiện bằng dữ liệu số, âm thanh, hình ảnh động, video và sự kết hợp các yếu tố đa phương tiện, tương tác. Quy định nhằm nhận diện đầy đủ xuất bản phẩm điện tử trong điều kiện phát triển công nghệ; phân định phạm vi với sản phẩm báo chí, phim; bảo đảm nội dung được xác định tại thời điểm xuất bản, nhập khẩu và tuân thủ quyền tác giả khi số hóa, sử dụng tác phẩm thuộc lĩnh vực khác.

- Về văn phòng đại diện tại Việt Nam của nhà xuất bản, tổ chức phát hành xuất bản phẩm nước ngoài (Điều 7, Điều 8 và Điều 9): cụ thể hóa khoản 2 Điều 8 của Luật theo điểm b khoản 1 Điều 1 dự thảo Nghị định, gồm điều kiện thành lập, nội dung hoạt động và thủ tục cấp, cấp lại giấy phép. Việc quy định điều kiện đối với tổ chức nước ngoài, người đứng đầu, trụ sở, thành phần hồ sơ và thời hạn giải quyết nhằm bảo đảm tính minh bạch, thuận lợi khi thực hiện; đồng thời tạo cơ sở để Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện thẩm quyền cấp phép, theo dõi hoạt động đúng phạm vi được phép.

- Về điều kiện thành lập và bảo đảm hoạt động của nhà xuất bản (Điều 12): thực hiện khoản 3 Điều 13 của Luật theo điểm c khoản 1 Điều 1 dự thảo Nghị định, quy định yêu cầu về trụ sở, nguồn tài chính, trang thiết bị và trách nhiệm duy trì điều kiện. Yêu cầu ổn định trụ sở và có nguồn tài chính bảo đảm hoạt động từ 02 năm trở lên gắn điều kiện thành lập với khả năng tổ chức xuất bản thực tế; trách nhiệm của cơ quan chủ quản và nhà xuất bản về kinh phí hằng năm nhằm bảo đảm thực hiện nhiệm vụ theo tôn chỉ, mục đích.

- Về cấp, cấp lại, thu hồi giấy phép thành lập và đình chỉ hoạt động xuất bản của nhà xuất bản (Điều 13 đến Điều 16): cụ thể hóa khoản 5 Điều 14 của Luật

theo điểm d khoản 1 Điều 1 dự thảo Nghị định, quy định hồ sơ, trình tự, thời hạn và trách nhiệm xử lý theo từng căn cứ. Các quy định nhằm thống nhất việc giải quyết thủ tục, phân biệt đình chỉ do không đáp ứng điều kiện với đình chỉ theo quyết định xử phạt; xác định việc khắc phục, hoạt động trở lại và thu hồi giấy phép đúng căn cứ của Luật, bảo đảm trách nhiệm của cơ quan chủ quản, nhà xuất bản và cơ quan quản lý.

- Về chấp thuận bổ nhiệm lãnh đạo nhà xuất bản (Điều 17): thực hiện khoản 2 Điều 16 của Luật theo điểm đ khoản 1 Điều 1 dự thảo Nghị định, quy định hồ sơ, trình tự chấp thuận đối với tổng giám đốc hoặc giám đốc, các cấp phó, tổng biên tập và phó tổng biên tập. Quy định nhằm bảo đảm việc xem xét nhân sự có căn cứ, đúng tiêu chuẩn và được thực hiện trước khi cơ quan chủ quản quyết định bổ nhiệm; làm rõ cơ chế phối hợp với cơ quan chỉ đạo xuất bản, thời hạn giải quyết và yêu cầu bảo vệ bí mật nhà nước đối với hồ sơ liên quan.

- Về tiêu chuẩn các chức danh lãnh đạo nhà xuất bản (Điều 19): cụ thể hóa điểm b khoản 1 Điều 17 của Luật theo điểm e khoản 1 Điều 1 dự thảo Nghị định, quy định tiêu chuẩn chính trị, trình độ, chuyên môn, nghiệp vụ và tiêu chuẩn khác. Nội dung này nhằm tạo căn cứ thống nhất cho việc lựa chọn, xem xét, bổ nhiệm nhân sự, gắn năng lực quản lý với chuyên môn xuất bản và trách nhiệm về nội dung; việc áp dụng đối với tổng biên tập, phó tổng biên tập đồng thời gắn với yêu cầu về chứng chỉ hành nghề biên tập của Luật.

- Về chứng chỉ hành nghề biên tập (Điều 21 đến Điều 23): thực hiện khoản 5 Điều 20 của Luật theo điểm g khoản 1 Điều 1 dự thảo Nghị định, quy định riêng trình tự cấp, cấp lại và thu hồi chứng chỉ. Việc xác định thành phần hồ sơ tương ứng từng trường hợp, cách nộp, thời hạn giải quyết, công khai quyết định và thu lại chứng chỉ nhằm bảo đảm người hành nghề đáp ứng tiêu chuẩn, quản lý chính xác tình trạng chứng chỉ và thực hiện thủ tục thống nhất; không đặt thêm căn cứ thu hồi ngoài các trường hợp Luật quy định. Hợp nhất các trường hợp cấp lại, bao gồm trường hợp đủ điều kiện được cấp lại sau thu hồi, trong cùng thủ tục; hồ sơ tương ứng với từng lý do cấp lại, không yêu cầu phiếu lý lịch tư pháp ngoài trường hợp Luật và dự thảo quy định. Khai thác dữ liệu quản lý chứng chỉ, đào tạo để tránh yêu cầu nộp lại tài liệu đã có thể tra cứu hợp pháp.

- Về đăng ký, xác nhận và điều chỉnh kế hoạch xuất bản (Điều 24): cụ thể hóa khoản 5 Điều 22 của Luật theo điểm h khoản 1 Điều 1 dự thảo Nghị định, xác định hồ sơ và quan hệ giữa thẩm định bản thảo, phê duyệt kế hoạch của cơ quan chủ quản, xác nhận đăng ký của Bộ và quyết định xuất bản của nhà xuất bản. Quy định nhằm bảo đảm kế hoạch phù hợp tôn chỉ, mục đích, nhiệm vụ; làm rõ phạm vi được điều chỉnh, số lượng bản in, giá trị văn bản xác nhận đến hết năm và trách nhiệm đối chiếu kết quả thực hiện; tăng khả năng liên thông dữ liệu mà vẫn bảo đảm trách nhiệm về nội dung của nhà xuất bản.

- Về liên kết và phát triển hệ sinh thái xuất bản (Điều 25): thực hiện khoản 5 Điều 23 của Luật theo điểm i khoản 1 Điều 1 dự thảo Nghị định, quy định hợp đồng, phạm vi công việc, quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm trong liên kết xuất bản; liên kết in, phát hành, cung cấp dịch vụ trung gian; liên kết phát triển hệ sinh thái

xuất bản. Nội dung nhằm tạo cơ sở khai thác hợp pháp tác phẩm, quyền, dữ liệu và các giá trị hình thành từ xuất bản phẩm; bảo đảm công khai trách nhiệm của các bên, kiểm soát phiên bản, việc sử dụng trí tuệ nhân tạo và bảo vệ chủ thể quyền; giữ quyền quyết định nội dung, trách nhiệm biên tập và xuất bản thuộc nhà xuất bản.

- Về danh mục tác phẩm, tài liệu phải thẩm định bản thảo (Điều 26 và Phụ lục): cụ thể hóa khoản 1 Điều 24 của Luật theo điểm k khoản 1 Điều 1 dự thảo Nghị định, quy định 05 nhóm nội dung về lãnh tụ, lãnh đạo đất nước; lịch sử cách mạng; chủ quyền quốc gia; anh hùng dân tộc; an ninh quốc gia. Việc xác định nội dung thuộc từng nhóm nhằm tạo căn cứ để nhà xuất bản nhận diện trường hợp phải thẩm định trước đăng ký kế hoạch, gắn kết quả với phiên bản bản thảo và hồ sơ trình cơ quan chủ quản. Đồng thời, phân biệt với trường hợp tại khoản 2 Điều 24 của Luật chỉ thẩm định khi có dấu hiệu vi phạm, tránh mở rộng diện thẩm định theo nguồn xuất bản hoặc mốc thời gian.

- Về tài liệu không kinh doanh (Điều 27): thực hiện điểm đ khoản 1 và khoản 4 Điều 25 của Luật theo điểm l khoản 1 Điều 1 dự thảo Nghị định, quy định các nhóm tài liệu khác, việc cấp phép và việc xuất bản thuộc trường hợp không phải có giấy phép. Quy định nhằm phân định rõ xuất bản qua nhà xuất bản, cấp phép tại cấp tỉnh và tự xuất bản; xác định hồ sơ, giá trị giấy phép, phí thẩm định, quyết định xuất bản, bản mẫu và trách nhiệm nội dung. Qua đó, tạo điều kiện cho cơ quan, tổ chức thực hiện nhiệm vụ thông tin, tuyên truyền, chuyên môn đúng chức năng, đồng thời bảo đảm tài liệu không bị sử dụng để kinh doanh trái quy định.

- Về thông tin ghi trên xuất bản phẩm (Điều 28, Điều 29): cụ thể hóa khoản 2 Điều 27 của Luật theo điểm m khoản 1 Điều 1 dự thảo Nghị định, quy định nội dung, vị trí, cách ghi phù hợp với sách in, xuất bản phẩm không phải sách, xuất bản phẩm điện tử và sản phẩm có kết cấu đặc thù. Nội dung nhằm nhận diện xuất bản phẩm, xác định chủ thể chịu trách nhiệm, phục vụ lưu chiểu và truy xuất; bảo đảm thông tin về đối tác liên kết không gây nhầm lẫn với nhà xuất bản. Việc công bố nội dung do trí tuệ nhân tạo tạo lập và bảo toàn dữ liệu quản lý điện tử nhằm thực hiện yêu cầu minh bạch của Luật, không làm thay đổi trách nhiệm đối với nội dung.

- Về lưu chiểu và nộp xuất bản phẩm cho Thư viện Quốc gia Việt Nam (Điều 30 đến Điều 33): thực hiện điểm c khoản 5 và khoản 8 Điều 28 của Luật theo điểm n khoản 1 Điều 1 dự thảo Nghị định, quy định số lượng, thời hạn lưu giữ, việc nộp xuất bản phẩm, tệp điện tử, thời hạn và nội dung cho ý kiến trước phát hành, các trường hợp miễn thẩm định. Quy định nhằm bảo đảm đủ căn cứ quản lý, kiểm tra nội dung, lưu trữ và phục vụ khai thác theo thẩm quyền; phân biệt lưu chiểu với nộp cho Thư viện, miễn thẩm định với yêu cầu có ý kiến trước phát hành; phù hợp đặc điểm bản in và dữ liệu điện tử.

- Về chủ sở hữu có yếu tố nước ngoài và giấy phép hoạt động in xuất bản phẩm (Điều 35 đến Điều 38): cụ thể hóa điểm c khoản 3 và khoản 7 Điều 32 của Luật theo điểm o khoản 1 Điều 1 dự thảo Nghị định, xác định trường hợp có yếu tố nước ngoài, trình tự cấp, cấp lại, thu hồi giấy phép. Nội dung nhằm áp dụng

thống nhất điều kiện về chủ sở hữu, xử lý trường hợp đã được cấp phép và bảo đảm quản lý theo đúng loại hình cơ sở in; làm rõ hồ sơ, thời hạn, thẩm quyền cấp tỉnh, cấp xã, mã dữ liệu và việc duy trì điều kiện hoạt động.

- Về thực hiện chế bản, in, gia công sau in xuất bản phẩm (Điều 39): thực hiện khoản 2 Điều 33 của Luật theo điểm p khoản 1 Điều 1 dự thảo Nghị định, quy định tài liệu làm căn cứ đối với cung cấp dịch vụ, liên kết với nhà xuất bản và tự xuất bản tài liệu không kinh doanh. Việc phân biệt hợp đồng, quyết định hoặc giấy phép và bản mẫu đã được duyệt theo từng trường hợp nhằm xác định tính hợp pháp của công việc nhận thực hiện, phạm vi nội dung, số lượng và tư cách của bên đặt in; tạo căn cứ cho giao nhận, kiểm tra và xác định trách nhiệm khi có vi phạm.

- Về cấp, điều chỉnh giấy phép và thẩm định nội dung xuất bản phẩm in xuất khẩu (Điều 41 đến Điều 43): cụ thể hóa khoản 7 Điều 34 của Luật theo điểm q khoản 1 Điều 1 dự thảo Nghị định, quy định hồ sơ, trình tự, thời hạn giải quyết và cơ chế Hội đồng thẩm định khi có dấu hiệu vi phạm. Nội dung nhằm thực hiện thống nhất thẩm quyền cấp tỉnh, bảo đảm xuất bản phẩm nhận in đáp ứng yêu cầu nội dung, được thực hiện đúng giấy phép và xuất khẩu theo Luật; phân biệt nội dung được điều chỉnh với trường hợp phải cấp mới, gắn hoạt động thẩm định với quy trình cấp phép. Thủ tục điều chỉnh tại Điều 42 được đánh giá riêng trong nhóm dự kiến ban hành mới, có thời hạn giải quyết 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định; không sử dụng thủ tục điều chỉnh để thay thế trường hợp phải cấp giấy phép mới.

- Về thông báo hoạt động phát hành xuất bản phẩm (Điều 44): thực hiện khoản 4 Điều 36 của Luật theo điểm r khoản 1 Điều 1 dự thảo Nghị định, quy định thông báo bắt đầu hoạt động, điều chỉnh và chấm dứt đến Ủy ban nhân dân cấp xã. Nội dung nhằm cụ thể hóa cơ chế quản lý bằng thông báo, xác định thông tin, thời điểm, địa bàn và tình trạng hoạt động; xử lý việc chuyển địa điểm, mở rộng phạm vi hoặc hoạt động trở lại, bảo đảm cơ quan quản lý theo dõi được chủ thể trong khi cơ sở, cá nhân chủ động thực hiện và duy trì yêu cầu của Luật.

- Về yêu cầu và thông báo kinh doanh nhập khẩu xuất bản phẩm (Điều 45): cụ thể hóa khoản 7 Điều 38 của Luật theo điểm s khoản 1 Điều 1 dự thảo Nghị định, quy định yêu cầu về năng lực nhân viên, quy chế thẩm định sách, bản đồ; thông báo hoạt động, thay đổi thông tin và chấm dứt. Nội dung nhằm thay cơ chế cấp giấy phép bằng thông báo theo Luật, gắn quyền kinh doanh với năng lực tự thẩm định, trách nhiệm nội dung và duy trì điều kiện; đồng thời cung cấp thông tin để Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch theo dõi, kiểm tra, xử lý trong quá trình hoạt động.

- Về nhập khẩu xuất bản phẩm để kinh doanh (Điều 46): thực hiện khoản 6 Điều 39 của Luật theo điểm t khoản 1 Điều 1 dự thảo Nghị định, quy định thông báo danh mục, kết quả thẩm định, thời điểm dự kiến kinh doanh; điều chỉnh, hủy bỏ thông báo; xem xét, thẩm định lại và xử lý khi có dấu hiệu vi phạm. Nội dung nhằm làm rõ trách nhiệm tự thẩm định của chủ thể nhập khẩu, cung cấp căn cứ cho cơ quan quản lý phát hiện, ngăn chặn và xử lý xuất bản phẩm vi phạm; bảo

đảm cơ chế thông báo gắn với quyền nhập khẩu, kinh doanh theo Luật và phối hợp thực hiện thủ tục tạm nhập, tái xuất.

- Về ngăn chặn tạm thời và xử lý nội dung trên môi trường điện tử (Điều 47): cụ thể hóa điểm g khoản 1 Điều 40 của Luật theo điểm u khoản 1 Điều 1 dự thảo Nghị định, quy định việc phát hiện dấu hiệu vi phạm, áp dụng ngay biện pháp ngăn chặn, thông báo, xác minh, chấp hành xử lý và khôi phục khi có căn cứ. Nội dung nhằm bảo đảm phản ứng kịp thời trên hệ thống phát hành, sàn thương mại điện tử, hạn chế tiếp tục phổ biến nội dung vi phạm, bảo toàn thông tin và bằng chứng; xác định đầu mối, thời hạn phối hợp và giới hạn tác động của biện pháp đối với xuất bản phẩm, giao dịch có liên quan.

- Về nhập khẩu xuất bản phẩm không kinh doanh và chuyển giao sau sử dụng (Điều 48, Điều 49): thực hiện điểm g khoản 1 và khoản 4 Điều 42 của Luật theo điểm v khoản 1 Điều 1 dự thảo Nghị định, quy định các trường hợp nhập khẩu khác phục vụ triển lãm, giao lưu, thư viện, bảo tàng, lưu trữ và việc chuyển giao khi không tái xuất theo trường hợp Luật quy định. Nội dung nhằm đáp ứng nhu cầu sử dụng hợp pháp, xác định bên tiếp nhận, thủ tục bàn giao và trách nhiệm quản lý, không kinh doanh; tránh lợi dụng mục đích không kinh doanh để thay đổi nghĩa vụ nhập khẩu hoặc đưa xuất bản phẩm vi phạm vào lưu thông.

- Về thông báo tổ chức triển lãm, hội chợ xuất bản phẩm (Điều 50): cụ thể hóa khoản 3 Điều 44 của Luật theo điểm x khoản 1 Điều 1 dự thảo Nghị định, quy định thông báo tổ chức, điều chỉnh, không tổ chức và kết thúc trước thời hạn đến Ủy ban nhân dân cấp xã. Nội dung nhằm tạo cơ sở theo dõi sự kiện, xác định đơn vị chịu trách nhiệm, địa điểm, thời gian và phạm vi trưng bày, giới thiệu; xử lý thay đổi hoặc bất khả kháng và bảo đảm trách nhiệm đối với xuất bản phẩm trong suốt quá trình tổ chức, phù hợp cơ chế thông báo của Luật.

- Về xuất bản, phát hành, nhập khẩu xuất bản phẩm điện tử và dịch vụ trung gian (Điều 51 đến Điều 57): thực hiện điểm b khoản 4, khoản 6 Điều 45, khoản 4 Điều 51 và Điều 52 của Luật theo điểm y khoản 1 Điều 1 dự thảo Nghị định, quy định điều kiện, yêu cầu kỹ thuật; đăng ký xuất bản, thông báo phát hành; điều chỉnh, chấm dứt; cơ chế quản trị của dịch vụ trung gian; chuyển từ điện tử sang in và nhập khẩu điện tử. Nội dung nhằm bảo đảm hoạt động phù hợp công nghệ, an toàn dữ liệu, bảo vệ bản quyền và khả năng ngăn chặn, gỡ bỏ nội dung vi phạm. Việc phân biệt nhập khẩu quyền truy cập, tệp điện tử với vật mang tin và xác định nguồn gốc, phạm vi quyền khai thác, khả năng truy xuất phiên bản nhằm quản lý nội dung được cung cấp tại Việt Nam, bảo vệ quyền hợp pháp của tác giả, chủ thể quyền và người sử dụng.

b) Nội dung quy định các biện pháp tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật, phục vụ quản lý nhà nước

- Về xây dựng và vận hành hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu chuyên ngành (Điều 3): thực hiện điểm a khoản 2 Điều 1 dự thảo Nghị định, xác định trách nhiệm của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, cơ quan có thẩm quyền và các chủ thể trong cập nhật, kiểm tra, lưu giữ, kết nối, chia sẻ, khai thác dữ liệu, công khai thông tin. Biện pháp này nhằm tổ chức thực hiện nhiệm vụ quản lý dữ liệu tại

Điều 6 của Luật, hình thành nguồn thông tin thống nhất từ giải quyết thủ tục, tiếp nhận thông báo, kế hoạch xuất bản, lưu chiểu, báo cáo đến kiểm tra, xử lý vi phạm; kế thừa hệ thống hiện có, tránh yêu cầu cung cấp trùng lặp và bảo đảm an toàn, bảo mật.

- Về tổ chức thực hiện thủ tục hành chính và gửi, tiếp nhận thông báo (Điều 3 và các điều quy định thủ tục, thông báo tương ứng): thực hiện điểm b khoản 2 Điều 1 dự thảo Nghị định, thống nhất cách nộp, tiếp nhận, trả kết quả, khai thác thông tin đã có, sử dụng hồ sơ và kết quả điện tử. Quy định chứng từ giao nhận, thời điểm nhận trực tuyến, trách nhiệm xác minh và phương thức thay thế khi có sự cố nhằm bảo đảm chủ thể chứng minh được việc thực hiện nghĩa vụ, cơ quan quản lý tiếp nhận đầy đủ, liên tục. Xác nhận giao nhận không phải chấp thuận nội dung; sử dụng thông báo chung khi đủ điều kiện nhằm giảm trùng lặp và thực hiện quyền, nghĩa vụ bằng phương tiện điện tử.

- Về định danh, truy xuất nguồn gốc và phối hợp liên ngành phòng, chống vi phạm (Điều 4, Điều 11): thực hiện điểm c khoản 2 Điều 1 dự thảo Nghị định, tổ chức quản lý mã định danh xuất bản phẩm, đợt in; cập nhật, đối chiếu dữ liệu đặt in, thực tế in, bàn giao, phát hành và kiểm tra chứng từ nguồn gốc. Biện pháp nhằm phát hiện dấu hiệu in vượt số lượng, in nối bản trái phép, in lậu, in giả, xác định trách nhiệm dựa trên hồ sơ, dữ liệu và chứng cứ. Cơ chế phối hợp trung ương, địa phương bảo đảm huy động cơ quan liên quan theo nhiệm vụ; tổ chức phối hợp không có thẩm quyền thanh tra, kiểm tra, xử phạt độc lập. Mã định danh không thay thế giấy tờ xuất bản, ISBN; lộ trình áp dụng gắn điều kiện kỹ thuật và chi phí thực tế.

- Về chế độ thông tin, báo cáo và trách nhiệm cơ quan chủ quản nhà xuất bản (Điều 5, Điều 18 và nội dung có liên quan tại Điều 24): thực hiện điểm d khoản 2 Điều 1 dự thảo Nghị định, xác định chủ thể, trách nhiệm báo cáo, tổng hợp thông tin; cơ chế định hướng, xem xét, phê duyệt kế hoạch và kiểm tra nhà xuất bản. Biện pháp nhằm cung cấp kịp thời dữ liệu phục vụ chỉ đạo, thống kê, đánh giá tình hình, phát hiện và xử lý vấn đề phát sinh; tổ chức thực hiện nhiệm vụ tại Điều 16 của Luật. Việc cơ quan chủ quản đánh giá kết quả thẩm định, phê duyệt kế hoạch được gắn với hồ sơ, phiên bản và định hướng hoạt động, không thay thế trách nhiệm của nhà xuất bản, lãnh đạo và biên tập viên đối với nội dung.

- Về ký duyệt bản thảo, trách nhiệm nhận in và tổ chức quản lý lưu chiểu (Điều 20, Điều 40 và các quy định liên quan tại Điều 30 đến Điều 34): thực hiện điểm đ khoản 2 Điều 1 dự thảo Nghị định, hướng dẫn cách ký, đóng dấu, phiếu duyệt theo loại bản thảo; trách nhiệm kiểm tra hồ sơ, thực hiện đúng bản mẫu, số lượng, quản lý dữ liệu của cơ sở in và bên đặt in; tổ chức giao nhận, lưu giữ, đọc, kiểm tra, thẩm định lưu chiểu. Biện pháp nhằm bảo đảm nội dung từ bản thảo được duyệt đến bản in, bản điện tử phát hành có thể đối chiếu, truy xuất; xác định rõ trách nhiệm từng công đoạn và cung cấp căn cứ kiểm tra, xử lý theo các điều 18, 28, 33, 35, 48 của Luật. Việc đọc, kiểm tra, thẩm định được thực hiện theo quy chế thuộc thẩm quyền Bộ trưởng.

- Về tổ chức xử lý điều chỉnh, chấm dứt hoạt động, thu hồi và chấm dứt thực hiện giấy phép (Điều 10, Điều 16, Điều 38, Điều 42, Điều 44 đến Điều 46, Điều 50, Điều 54, Điều 55, Điều 57 và các nội dung liên quan): thực hiện điểm e khoản 2 Điều 1 dự thảo Nghị định, xác định nội dung, thời điểm, cách thức gửi thông báo, cơ quan tiếp nhận, cập nhật và công khai tình trạng hoạt động theo từng lĩnh vực. Biện pháp nhằm theo dõi đầy đủ quá trình hoạt động, phân biệt phần chấm dứt với phần tiếp tục, xử lý thống nhất việc chuyển địa điểm, thay đổi thông tin, trả giấy phép hoặc hoạt động trở lại; bảo đảm thay đổi được ghi nhận kịp thời và không phát sinh thông báo riêng nếu hồ sơ thủ tục đã đáp ứng đủ yêu cầu tương ứng.

- Về xử lý xuất bản phẩm, bản thảo, bản mẫu, hồ sơ, dữ liệu và quyền, nghĩa vụ còn tồn tại khi điều chỉnh, chấm dứt hoạt động: thực hiện điểm g khoản 2 Điều 1 dự thảo Nghị định, cụ thể hóa nguyên tắc tại khoản 9 Điều 3 và trách nhiệm trong các điều chuyên ngành, nhất là Điều 16, Điều 42, Điều 54, Điều 55, Điều 57. Biện pháp nhằm bảo đảm có chủ thể, đầu mối tiếp tục lưu giữ, bàn giao, cung cấp tài liệu, giải quyết hợp đồng, công nợ, khiếu nại và phối hợp xử lý vi phạm; bảo vệ quyền tác giả, dữ liệu và quyền truy cập đã được xác lập hợp pháp. Việc dừng cung cấp mới, thỏa thuận chuyển giao dịch vụ hoặc hoàn trả phần nghĩa vụ chưa thực hiện không làm chấm dứt trách nhiệm đối với hoạt động, vi phạm đã phát sinh.

- Về ban hành, công khai và sử dụng mẫu, biểu mẫu (Điều 6): thực hiện điểm h khoản 2 Điều 1 dự thảo Nghị định, xác định thẩm quyền Bộ trưởng và nguyên tắc thiết kế, cập nhật, công khai, sử dụng thống nhất biểu mẫu thủ tục, thông báo, báo cáo và thực hiện trách nhiệm của các chủ thể. Biện pháp nhằm chuyển các yêu cầu của Luật, Nghị định thành cách thức kê khai, xử lý có thể áp dụng thống nhất, phù hợp môi trường điện tử; phân biệt thông tin bắt buộc, thông tin theo từng trường hợp, tài liệu kèm theo và khai thác lại dữ liệu. Biểu mẫu không làm phát sinh thêm thủ tục, điều kiện, hồ sơ hoặc nghĩa vụ cung cấp thông tin ngoài pháp luật, không chuyển thông báo thành xin chấp thuận; mẫu hợp đồng bảo đảm quyền thỏa thuận hợp pháp.

- Về tổ chức thực hiện các quy định chuyển tiếp, hiệu lực và trách nhiệm thi hành (Điều 58 đến Điều 60): thực hiện điểm i khoản 2 Điều 1 dự thảo Nghị định, Điều 59 quy định thời hạn bổ sung điều kiện, tiêu chuẩn, việc cấp lại giấy phép, giấy xác nhận, chứng chỉ theo điểm c khoản 3 Điều 3 của Luật số 17/2026/QH16; hướng dẫn áp dụng các nội dung chuyển tiếp khác của Luật. Biện pháp nhằm bảo đảm hồ sơ đã tiếp nhận được giải quyết liên tục, giấy tờ đã cấp được sử dụng đúng phạm vi, chủ thể thuộc diện miễn không phải thông báo lại; phân biệt thời hạn 12 tháng bổ sung điều kiện, yêu cầu, tiêu chuẩn với thời hạn 90 ngày chuyển giao hồ sơ và thực hiện thủ tục đối với chi nhánh, địa điểm kinh doanh. Điều 58 xác định thời điểm có hiệu lực gắn với mốc thi hành của Luật; Điều 59 duy trì cơ chế in gia công cho nước ngoài đến hết năm 2028; Điều 60 xác định trách nhiệm thi hành để bảo đảm triển khai thống nhất từ trung ương đến địa phương.

5. Nội dung sửa đổi, bổ sung, thay thế Nghị định số 195/2013/NĐ-CP

Thực hiện khoản 2 Điều 6 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ, đã được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025, trên cơ sở đối chiếu quy định hiện hành với nội dung dự thảo Nghị định và phần giới thiệu tại mục 3 nêu trên, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch báo cáo các nội dung sửa đổi, hoàn thiện, bổ sung, lược bỏ, cải cách thủ tục hành chính, phân quyền, phân cấp và kiến nghị xử lý như sau:

a) Nội dung sửa đổi, hoàn thiện

- Về phạm vi điều chỉnh và quản lý nhà nước: kế thừa nội dung tại Điều 1 đến Điều 5 Nghị định số 195/2013/NĐ-CP, dự thảo Nghị định xác định cụ thể các điều, khoản, điểm của Luật được quy định chi tiết, phân biệt với biện pháp tổ chức thi hành tại Điều 1; cập nhật cơ quan quản lý, trách nhiệm của bộ, ngành, cấp tỉnh, cấp xã và cơ quan chủ quản. Các quy định về thông tin, báo cáo, phối hợp, thủ tục và dữ liệu được tổ chức lại tại Điều 3 đến Điều 6, làm rõ trách nhiệm thực hiện thay cho cách quy định nhiệm vụ quản lý chung của Nghị định hiện hành.

- Về văn phòng đại diện nước ngoài: kế thừa yêu cầu tổ chức nước ngoài hoạt động hợp pháp, năng lực, trình độ người đứng đầu và nội dung giới thiệu, xúc tiến, hợp tác tại Điều 6, Điều 7 Nghị định số 195/2013/NĐ-CP; Điều 7 đến Điều 10 dự thảo Nghị định điều chỉnh yêu cầu thường trú thành cư trú hợp pháp, bổ sung địa điểm trụ sở, quy định riêng cấp, cấp lại, chấm dứt và thu hồi giấy phép. Thẩm quyền giải quyết được thực hiện tại Ủy ban nhân dân cấp tỉnh theo Điều 8 của Luật; thời hạn, hồ sơ từng trường hợp, cách sử dụng giấy phép điện tử và trách nhiệm công khai được xác định để áp dụng thống nhất.

- Về nhà xuất bản, nhân sự và kế hoạch xuất bản: Điều 12 kế thừa điều kiện trụ sở, trang thiết bị, duy trì hoạt động tại Điều 8 Nghị định số 195/2013/NĐ-CP, thay mức tài chính cố định ít nhất 05 tỷ đồng bằng nguồn bảo đảm hoạt động từ 02 năm trở lên. Điều 17 hoàn thiện thủ tục chấp thuận nhân sự từ Điều 9 của Nghị định hiện hành, phù hợp phạm vi các chức danh và cơ chế bổ nhiệm của Luật. Điều 24 hoàn thiện Điều 10 về đăng ký xuất bản, làm rõ quan hệ giữa thẩm định bản thảo, phê duyệt kế hoạch, xác nhận đăng ký, điều chỉnh, giá trị đến hết năm và đối chiếu kết quả thực hiện; bảo đảm trách nhiệm về nội dung vẫn thuộc nhà xuất bản.

- Về liên kết của nhà xuất bản: từ yêu cầu đối với nhà xuất bản, đối tác tại Điều 11 Nghị định số 195/2013/NĐ-CP, Điều 25 dự thảo Nghị định quy định theo từng loại liên kết, lấy hợp đồng, phạm vi quyền và trách nhiệm làm căn cứ thực hiện. Kế thừa việc nhà xuất bản quyết định phát hành, đối tác tuân thủ nội dung được duyệt và phối hợp xử lý vi phạm; làm rõ trách nhiệm trực tiếp tổ chức biên tập hoàn chỉnh, kiểm soát phiên bản và không chuyển giao quyền quyết định nội dung. Phần mở rộng về hệ sinh thái, tài sản trí tuệ và dữ liệu được thuyết minh tại nội dung bổ sung dưới đây.

- Về xuất bản tài liệu không kinh doanh: kế thừa nhóm tài liệu và yêu cầu có ý kiến cơ quan liên quan tại Điều 12 Nghị định số 195/2013/NĐ-CP, Điều 27 dự thảo Nghị định phân biệt xuất bản qua nhà xuất bản, xuất bản theo giấy phép của cấp tỉnh và tự xuất bản trong phạm vi khoản 3 Điều 25 của Luật. Quy định đầy đủ hơn hồ sơ, thời hạn, giá trị giấy phép, xử lý thay đổi hoặc không tiếp tục xuất bản; gắn việc tự xuất bản với quyết định, bản mẫu, trách nhiệm nội dung, nghĩa vụ quản lý và các yêu cầu đối với tài liệu điện tử.

- Về cơ sở in xuất bản phẩm và hồ sơ nhận in: từ các quy định tập trung tại Điều 13 Nghị định số 195/2013/NĐ-CP, Điều 35 đến Điều 40 dự thảo Nghị định tách điều kiện chủ sở hữu, cấp, cấp lại, thu hồi và trách nhiệm theo từng công đoạn. Hồ sơ được điều chỉnh theo điều kiện của Luật sau sửa đổi, thẩm quyền cấp tỉnh, cấp xã và khả năng khai thác dữ liệu đăng ký; bổ sung mã dữ liệu cơ sở in, cách cập nhật thay đổi. Quy định tài liệu nhận chế bản, in, gia công sau in theo từng tư cách; xác định trách nhiệm kiểm tra bản mẫu, số lượng, giao nhận, bảo mật, lưu hồ sơ và phối hợp xử lý sai lệch.

- Về hoạt động xuất bản, phát hành và nhập khẩu xuất bản phẩm điện tử: Điều 45, Điều 46 kế thừa trách nhiệm thẩm định, quy chế nội bộ và xử lý vi phạm tại Điều 14 đến Điều 16 Nghị định số 195/2013/NĐ-CP, chuyển sang cơ chế thông báo phù hợp Luật. Điều 2 và Điều 51 đến Điều 57 hoàn thiện nhóm quy định tại Điều 17 đến Điều 23 của Nghị định hiện hành về công nghệ, nội dung, đăng ký, lưu chiểu và nhập khẩu điện tử; phân biệt đăng ký xuất bản với thông báo kinh doanh phát hành, cập nhật cách quản lý dữ liệu và bảo vệ bản quyền. Điều 58 đến Điều 60 thay các mốc hiệu lực, cấp đổi và đăng ký chuyển tiếp tại Điều 24 đến Điều 26 bằng cơ chế gắn với Luật số 17/2026/QH16.

b) Nội dung sửa đổi, bổ sung so với Nghị định số 195/2013/NĐ-CP

- Xây dựng cơ chế dữ liệu dùng chung, định danh và truy xuất nguồn gốc tại Điều 3, Điều 11; tổ chức phối hợp liên ngành tại Điều 4; nguyên tắc ban hành, công khai, sử dụng biểu mẫu tại Điều 6. So với quy định nhiệm vụ quản lý chung của Nghị định số 195/2013/NĐ-CP, các nội dung này cụ thể hóa đầu mối vận hành, trách nhiệm cập nhật, đối soát và khai thác dữ liệu từ kế hoạch, quyết định xuất bản, lưu chiểu đến in, phát hành; tổ chức tiếp nhận hồ sơ, thông báo bằng phương tiện điện tử, kiểm tra nguồn gốc và phát hiện dấu hiệu vi phạm.

- Về cấp, cấp lại, đình chỉ, chấm dứt, thu hồi giấy phép nhà xuất bản tại Điều 13 đến Điều 16; trách nhiệm định hướng, phê duyệt, kiểm tra của cơ quan chủ quản tại Điều 18; tiêu chuẩn nhân sự tại Điều 19; ký duyệt bản thảo tại Điều 20 và thủ tục chứng chỉ hành nghề biên tập tại Điều 21 đến Điều 23. Đây là việc cụ thể hóa nội dung, trình tự chưa được quy định thành các điều riêng tương ứng trong Nghị định số 195/2013/NĐ-CP, bảo đảm việc thực hiện các điều 14, 16, 17, 18 và 20 của Luật có căn cứ, thời hạn và trách nhiệm rõ ràng.

- Quy định về danh mục 05 nhóm tác phẩm, tài liệu phải thẩm định bản thảo trước đăng ký kế hoạch; Điều 28, Điều 29 về thông tin trên từng loại xuất bản phẩm, việc công bố nội dung do trí tuệ nhân tạo tạo lập và vai trò của đối tác liên kết. Điều 30 đến Điều 34 cụ thể hóa số lượng, thời hạn lưu giữ lưu chiểu, gói dữ

liệu điện tử, việc nộp cho Thư viện Quốc gia Việt Nam, thời hạn cho ý kiến và trường hợp miễn thẩm định. Các nội dung được phát triển từ nhiệm vụ quản lý lưu chiểu, yêu cầu kỹ thuật tại Nghị định hiện hành để đáp ứng cơ chế và phạm vi giao quy định mới của Luật.

- Về liên kết phát triển hệ sinh thái xuất bản, khai thác sản phẩm, dịch vụ, nội dung chuyển thể, tài sản trí tuệ và dữ liệu; xác định việc sử dụng dữ liệu phục vụ trí tuệ nhân tạo trên cơ sở quyền hợp pháp, sự cho phép hoặc đồng ý trong trường hợp pháp luật yêu cầu. Bổ sung tại Điều 27 ba nhóm tài liệu khác và trách nhiệm tự xuất bản tài liệu không kinh doanh, miễn phí thẩm định, lưu bản mẫu ít nhất 24 tháng. Những nội dung này cụ thể hóa Điều 23, Điều 25 của Luật sau sửa đổi, mở rộng cách thức thực hiện hợp pháp nhưng vẫn xác định rõ chủ thể chịu trách nhiệm.

- Cụ thể hóa trường hợp chủ sở hữu cơ sở in có yếu tố nước ngoài theo điểm c khoản 3 Điều 32 của Luật tại Điều 35 dự thảo Nghị định; quy định riêng hồ sơ, thủ tục cấp, điều chỉnh, chấm dứt thực hiện giấy phép in xuất khẩu và Hội đồng thẩm định tại Điều 41 đến Điều 43. Cơ chế in xuất khẩu được cụ thể hóa theo Điều 34 của Luật và thời điểm áp dụng từ ngày 01 tháng 01 năm 2029; trong thời gian chuyển tiếp tiếp tục áp dụng quy định về in gia công cho tổ chức, cá nhân nước ngoài theo Điều 59 dự thảo Nghị định.

- Thiết lập quy trình thông báo hoạt động phát hành tại Điều 44 và tổ chức triển lãm, hội chợ tại Điều 50 dự thảo Nghị định; các trường hợp nhập khẩu không kinh doanh khác tại Điều 48 và bàn giao khi không tái xuất tại Điều 49. Điều 47 bổ sung quy trình chủ động ngăn chặn tạm thời, thông báo trong 24 giờ, bảo toàn thông tin, phối hợp xác minh, thực hiện quyết định xử lý và khôi phục khi có căn cứ. So với quy định nghĩa vụ chung, các điều này xác định rõ cách thức, đầu mối, thời điểm và trách nhiệm thực hiện theo cơ chế mới của Luật.

- Yêu cầu đối với cơ sở cung cấp dịch vụ trung gian tại Điều 53; chuyển xuất bản phẩm điện tử sang in tại Điều 56 dự thảo Nghị định; quản lý nguồn gốc, quyền khai thác, danh mục và khả năng truy xuất nội dung điện tử nhập khẩu tại Điều 57. Việc quản lý quyền truy cập, tệp điện tử và xuất bản phẩm trong thiết bị, vật mang tin được phân biệt theo hình thức nhập khẩu, gắn với phiên bản đã cung cấp cho người sử dụng, thay cho cách quy định chủ yếu theo nhập khẩu qua mạng hoặc thiết bị lưu trữ của Điều 20 Nghị định số 195/2013/NĐ-CP.

- Quy định nguyên tắc và trách nhiệm xử lý khi điều chỉnh, chấm dứt hoạt động tại khoản 9 Điều 3 và các điều chuyên ngành: xác định phần chấm dứt, phần còn hoạt động, đầu mối giải quyết nghĩa vụ; cập nhật lịch sử dữ liệu; bảo quản, bàn giao hồ sơ, bản thảo, tệp; giải quyết hợp đồng, công nợ và quyền truy cập hợp pháp. Các quy định tại Điều 54, Điều 55, Điều 57 làm rõ việc dừng cung cấp mới, chuyển giao dịch vụ hoặc hoàn trả phần nghĩa vụ chưa thực hiện, bảo đảm chấm dứt hoạt động không làm mất trách nhiệm đối với hành vi và nghĩa vụ đã phát sinh.

c) Nội dung lược bỏ

Không tiếp tục cơ chế cấp, cấp lại, thu hồi giấy phép hoạt động kinh doanh nhập khẩu tại Điều 14 Nghị định số 195/2013/NĐ-CP; không duy trì cơ chế xác nhận đăng ký nhập khẩu với các trường hợp từ chối tại Điều 15. Thay bằng thông báo và trách nhiệm tự thẩm định, duy trì yêu cầu, chấp hành xử lý tại Điều 45, Điều 46 dự thảo Nghị định. Đối với kinh doanh phát hành điện tử, không tiếp tục áp dụng đăng ký, xác nhận theo Điều 18 của Nghị định hiện hành mà thực hiện thông báo tại Điều 55. Việc lược bỏ cơ chế tiền kiểm không loại trừ trách nhiệm nội dung, nguồn gốc, quyền khai thác và xử lý vi phạm.

Không duy trì yêu cầu chấp thuận miễn nhiệm, cách chức lãnh đạo nhà xuất bản tại điểm b khoản 1 Điều 9 Nghị định số 195/2013/NĐ-CP; Điều 17 dự thảo Nghị định tập trung thủ tục chấp thuận bổ nhiệm theo khoản 2 Điều 16 của Luật. Không quy định gia hạn giấy phép văn phòng đại diện thành thủ tục riêng như Điều 7 của Nghị định hiện hành; xử lý giấy phép hết thời hạn bằng cấp lại theo Điều 9 dự thảo Nghị định, phù hợp khoản 2 Điều 8 của Luật. Việc gia hạn và điều chỉnh, bổ sung thông tin giấy phép văn phòng đại diện được xử lý trong thủ tục cấp lại; thủ tục cấp lại chứng chỉ hành nghề biên tập sau thu hồi được hợp nhất vào thủ tục cấp lại chung tại Điều 22; các trường hợp cấp đổi giấy phép hoạt động in được xử lý theo thủ tục cấp lại tại Điều 37. Bãi bỏ tên thủ tục riêng không làm mất yêu cầu đáp ứng điều kiện tương ứng.

Không tiếp tục yêu cầu tài chính cố định ít nhất 05 tỷ đồng tại Điều 8 Nghị định số 195/2013/NĐ-CP, thay bằng điều kiện bảo đảm hoạt động thực tế tại Điều 12 dự thảo Nghị định. Không duy trì bộ yêu cầu về giấy tờ, ít nhất 03 biên tập viên đối với hình thức liên kết biên tập sơ bộ tại khoản 2 Điều 11; thực hiện cơ chế hợp đồng, quyền sử dụng nội dung và trách nhiệm trực tiếp tổ chức biên tập của nhà xuất bản tại Điều 25. Đối với nhập khẩu sách, không tiếp tục ấn định ít nhất 05 nhân viên, thâm niên công tác theo Điều 14; yêu cầu năng lực nhân viên, quy chế thẩm định được quy định theo nội dung sách, bản đồ tại Điều 45.

Không tiếp tục các thành phần, cách chứng minh điều kiện cơ sở in gắn với yêu cầu nhân sự và đầu tư thiết bị của quy định cũ tại Điều 13 Nghị định số 195/2013/NĐ-CP khi không còn tương ứng với Điều 32 của Luật sau sửa đổi. Điều 36 dự thảo Nghị định quy định hồ sơ theo điều kiện hiện hành và khai thác dữ liệu đăng ký đã có; không duy trì cách cấp phép trên cơ sở danh mục thiết bị chưa đầu tư rồi chờ hoàn thành trong 06 tháng. Không giữ cơ chế từ chối xác nhận đăng ký theo các trường hợp khác do cơ quan quản lý tự xác định tại Điều 10, Điều 15 của Nghị định hiện hành; căn cứ xử lý được gắn với quy định cụ thể của Luật và dự thảo Nghị định.

Không áp dụng lại cơ chế cấp đổi, đăng ký đồng loạt theo các mốc 12 tháng, 18 tháng tại Điều 25 Nghị định số 195/2013/NĐ-CP. Điều 59 dự thảo Nghị định thay bằng chuyển tiếp theo từng nhóm đối tượng của Luật số 17/2026/QH16: tiếp tục sử dụng giấy tờ đã cấp, miễn thông báo hoạt động đối với trường hợp thuộc diện miễn, bổ sung điều kiện và thực hiện cấp lại khi có yêu cầu. Khoản 3 Điều 58 xác định việc hết hiệu lực của Nghị định số 195/2013/NĐ-CP đã được sửa đổi,

bổ sung, đồng thời giữ phạm vi quy định còn được áp dụng trong thời gian chuyển tiếp về in gia công cho nước ngoài.

d) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính

Theo danh mục dự kiến tại Bản đánh giá thủ tục hành chính ngày 27 tháng 10 năm 2026, có 03 thủ tục ban hành mới, 13 thủ tục sửa đổi, bổ sung, 24 thủ tục được đề xuất bãi bỏ với tư cách thủ tục độc lập và không có thủ tục giữ nguyên; danh mục sau sắp xếp dự kiến gồm 16 thủ tục, trong đó 07 thủ tục cấp trung ương, 07 thủ tục cấp tỉnh và 02 thủ tục cấp xã. Đây là số liệu phân loại theo danh mục đánh giá, cần được chốt đồng bộ với từng điều khoản, mã thủ tục và mốc hiệu lực; không đồng nhất bãi bỏ thủ tục độc lập với loại bỏ toàn bộ nghĩa vụ quản lý, không tính lại là kết quả cắt giảm mới đối với nội dung đã được bãi bỏ hoặc phân cấp trước đó.

Ba thủ tục dự kiến ban hành mới gồm: điều chỉnh giấy phép in xuất khẩu xuất bản phẩm ở cấp tỉnh tại Điều 42; cấp và cấp lại giấy phép hoạt động in xuất bản phẩm ở cấp xã tại Điều 36, Điều 37. Nhóm 13 thủ tục sửa đổi, bổ sung gồm 10 thủ tục về xuất bản và 03 thủ tục về in. Nhóm 24 thủ tục đề xuất bãi bỏ gồm 05 thủ tục về xuất bản, 05 thủ tục về in và 14 thủ tục về phát hành; cần phân biệt trường hợp bỏ yêu cầu cấp phép, chuyển sang thông báo, hợp nhất thủ tục và thay đổi cấp giải quyết. Nhóm in xuất khẩu thực hiện theo mốc hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2029.

Dự thảo Nghị định cắt giảm thủ tục cấp giấy phép, xác nhận đăng ký trong những hoạt động đã được Luật chuyển sang thông báo, gồm: kinh doanh nhập khẩu, danh mục xuất bản phẩm nhập khẩu và kinh doanh phát hành điện tử; cụ thể hóa thông báo phát hành, triển lãm, hội chợ tại Điều 44 đến Điều 46, Điều 50, Điều 55. Người gửi chịu trách nhiệm về nội dung; cơ quan tiếp nhận ghi nhận, cập nhật, kiểm tra và xử lý theo thẩm quyền. Việc xác nhận giao nhận hoặc thời hạn cập nhật dữ liệu không phải điều kiện chấp thuận trước hoạt động; việc xem xét thông báo nhập khẩu phải tuân thủ quyền thực hiện sau thông báo tại khoản 2, khoản 3 Điều 39 của Luật. Đối với các thủ tục khai báo được đưa vào danh mục bãi bỏ, phải xác định rõ quan hệ với nghĩa vụ thông báo còn được Luật và các điều tương ứng của dự thảo quy định; không diễn giải việc bãi bỏ mã thủ tục là miễn nghĩa vụ thông báo.

Đơn giản hóa hồ sơ và cách thực hiện tại Điều 3: không yêu cầu nộp lại thông tin, giấy tờ có giá trị pháp lý đã khai thác được từ cơ sở dữ liệu kết nối; chỉ bổ sung tài liệu chứng minh nội dung thay đổi. Các thủ tục cấp lại nhà xuất bản, giấy phép in, văn phòng đại diện phân biệt trường hợp thay đổi với mất, hư hỏng; trường hợp mất, hư hỏng giấy phép được xử lý theo hồ sơ tương ứng, hạn chế yêu cầu chứng minh lại điều kiện không thay đổi. Điều 27 cho phép khai thác kết quả điện tử hoặc cấp bản sao giấy phép tài liệu không kinh doanh khi mất, hư hỏng mà không thẩm định lại nội dung. Việc cắt giảm giấy tờ chứng minh điều kiện phải phân biệt với việc bãi bỏ điều kiện. Đối với chứng chỉ hành nghề biên tập, thông tin hoàn thành khóa bồi dưỡng được ưu tiên khai thác từ dữ liệu hợp pháp; đối với hồ sơ bằng tiếng nước ngoài, yêu cầu dịch thuật, chứng thực, hợp pháp

hóa lãnh sự được áp dụng đúng loại tài liệu và trường hợp miễn theo pháp luật, điều ước quốc tế.

Điều chỉnh thời hạn và tổ chức lại quy trình: dự thảo quy định thời hạn cấp, cấp lại giấy phép văn phòng đại diện tại Điều 8, Điều 9 là 07 ngày làm việc; cấp, cấp lại giấy phép thành lập nhà xuất bản tại Điều 13, Điều 14 tương ứng là 12 và 05 ngày làm việc; chấp thuận bổ nhiệm lãnh đạo tại Điều 17 là 13 ngày làm việc; cấp, cấp lại chứng chỉ hành nghề biên tập tại Điều 21, Điều 22 tương ứng là 10 và 07 ngày làm việc; xác nhận kế hoạch xuất bản tại Điều 24 là 05 ngày làm việc. Đối với hoạt động in, thời hạn cấp, cấp lại giấy phép tại Điều 36, Điều 37 tương ứng là 07 và 10 ngày làm việc; cấp, điều chỉnh giấy phép in xuất khẩu tại Điều 41, Điều 42 tương ứng là 07 và 03 ngày làm việc. Các thời hạn trên tính từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định. Thời gian phối hợp, thẩm định nội bộ phải nằm trong tổng thời hạn giải quyết; cần tiếp tục thống nhất các mốc thành lập, làm việc của Hội đồng tại Điều 43 với tổng thời hạn tại Điều 41.

Điều 52 quy định hồ sơ đăng ký xuất bản điện tử gồm đơn và đề án, thời hạn có ý kiến thẩm định là 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ và thời hạn cấp giấy xác nhận là 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ đăng ký theo quy định. Cần làm rõ quan hệ giữa hai mốc này và cách xử lý hồ sơ phải hoàn thiện. Việc đánh giá cắt giảm phải đối chiếu với thủ tục đang áp dụng tại cùng thời điểm, bao gồm các nội dung đã được đơn giản hóa; phân biệt ngày với ngày làm việc, thời gian chuẩn bị của người thực hiện với thời gian xử lý của cơ quan nhà nước, không cộng gộp các mốc khác tính chất hoặc tính lại kết quả cắt giảm đã thực hiện.

Giảm việc gửi, kê khai trùng lặp: một văn bản chung được sử dụng cho cùng nội dung phải thông báo đến cùng cơ quan nếu đủ nội dung, đúng thời hạn; không gửi thông báo riêng khi hồ sơ thủ tục đã đáp ứng nghĩa vụ tương ứng. Các điều 3, 6, 24, 36, 54, 55 và 57 dự thảo Nghị định quy định cập nhật, đối chiếu, điều chỉnh với dữ liệu đang quản lý; cấp lại xác nhận xuất bản điện tử khi thay đổi không phải đăng ký lại ban đầu. Trường hợp tự xuất bản tài liệu không kinh doanh được Luật cho phép không phải xin giấy phép, không nộp phí thẩm định; việc xác định đúng đối tượng phải theo khoản 3 Điều 25 của Luật.

Bản đánh giá thủ tục hành chính kèm hồ sơ trình phải hoàn thiện danh mục, biểu mẫu đánh giá và bảng tính chi phí tuân thủ theo Thông tư số 26/2025/TT-BTP ngày 12 tháng 12 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp. Chi phí cần tính cho toàn bộ công việc chuẩn bị, nộp, bổ sung hồ sơ, nhận kết quả và thực hiện nghĩa vụ liên quan, trên cơ sở thời gian thực hiện, thu nhập bình quân theo giờ, chi phí thuê dịch vụ, phí, lệ phí, chi phí khác, số lần thực hiện và số lượng đối tượng tuân thủ trong năm. Đánh giá đồng thời chi phí lập đề án, dịch thuật, chứng minh điều kiện, hạ tầng, nhân lực, lưu trữ, bảo vệ bản quyền và kết nối dữ liệu; đối chiếu lợi ích từ tái sử dụng dữ liệu, thực hiện trực tuyến và hợp nhất thủ tục. Chưa xác định mức tiết kiệm hoặc tỷ lệ cắt giảm khi chưa có đủ số liệu, biểu mẫu tính toán; không đồng nhất giảm số mã thủ tục với giảm tương ứng chi phí tuân thủ.

đ) Nội dung phân quyền, phân cấp

Dự thảo Nghị định cụ thể hóa thẩm quyền quản lý được Luật sau sửa đổi phân định và tổ chức quy trình theo từng cấp, gắn nơi giải quyết với trách nhiệm dữ liệu, công khai, kiểm tra, xử lý. Đối với văn phòng đại diện nước ngoài, thẩm quyền giải quyết được xác định tại Ủy ban nhân dân cấp tỉnh theo Điều 8 của Luật và Điều 8 đến Điều 10 dự thảo Nghị định. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cấp phép tài liệu không kinh doanh theo Điều 25 của Luật, Điều 27 dự thảo Nghị định và cấp phép in xuất khẩu theo Điều 34 của Luật, Điều 41 đến Điều 43 dự thảo Nghị định khi đến thời điểm áp dụng.

Đối với hoạt động in xuất bản phẩm, Điều 36, Điều 37 dự thảo Nghị định xác định Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cấp, cấp lại giấy phép cho doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp, tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã và chi nhánh, địa điểm kinh doanh của các tổ chức này theo điểm a, điểm b khoản 2 Điều 32 của Luật; Ủy ban nhân dân cấp xã giải quyết đối với hộ kinh doanh tại điểm c khoản 2 Điều 32 của Luật. Điều 38 dự thảo Nghị định gắn thẩm quyền thu hồi, trách nhiệm kiểm tra, yêu cầu khắc phục và cập nhật với cơ quan cấp phép. Việc tiếp nhận của cơ quan được phân công phải bảo đảm thẩm quyền quyết định theo Luật, không đồng nhất phân công tiếp nhận với chuyển thẩm quyền cấp phép.

Đối với phát hành, triển lãm, hội chợ xuất bản phẩm, Ủy ban nhân dân cấp xã tiếp nhận thông báo, cập nhật, công khai và theo dõi trên địa bàn theo Điều 36, Điều 44 của Luật và Điều 44, Điều 50 dự thảo Nghị định. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch tiếp tục giải quyết các nội dung thuộc thẩm quyền về nhà xuất bản, nhân sự, chứng chỉ, kế hoạch, lưu chiểu; tiếp nhận thông báo kinh doanh nhập khẩu, danh mục nhập khẩu, đăng ký xuất bản điện tử và thông báo kinh doanh phát hành điện tử. Phân định này bảo đảm quản lý gần địa bàn với hoạt động trực tiếp tại địa phương, đồng thời duy trì thống nhất quản lý chuyên ngành trên phạm vi cả nước.

Theo Bản đánh giá, có 09 thủ tục được rà soát về phân quyền, phân cấp, phân định thẩm quyền, gồm 07 thủ tục ở cấp tỉnh và 02 thủ tục ở cấp xã. Cấp tỉnh thực hiện cấp phép tài liệu không kinh doanh; cấp, cấp lại giấy phép văn phòng đại diện; cấp, cấp lại giấy phép hoạt động in; cấp, điều chỉnh giấy phép in xuất khẩu. Cấp xã thực hiện cấp, cấp lại giấy phép hoạt động in đối với đối tượng thuộc thẩm quyền. Đây là nhóm thủ tục nằm trong danh mục 16 thủ tục dự kiến sau sắp xếp, không phải 09 thủ tục tăng thêm; phải phân biệt thẩm quyền mới với nội dung kế thừa việc phân cấp đã thực hiện và áp dụng đúng lộ trình in xuất khẩu.

Điều kiện bảo đảm thực hiện gồm công khai đầu mối, thống nhất biểu mẫu, kết nối cơ sở dữ liệu và chế độ báo cáo theo Điều 3 đến Điều 6; phối hợp phòng, chống vi phạm theo Điều 4, Điều 11; bố trí nhân lực, tập huấn và kiểm tra việc thực hiện tại địa phương. Việc chuyển giao hồ sơ, tài liệu, dữ liệu khi thay đổi thẩm quyền thực hiện trong thời hạn 90 ngày theo điểm h khoản 3 Điều 3 của Luật số 17/2026/QH16 và khoản 4 Điều 59 dự thảo Nghị định; xác định đầy đủ danh mục, cơ quan giao, nhận và đầu mối tiếp tục giải quyết để quyền, nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân không bị gián đoạn. Công tác kiểm tra, giám sát tập trung vào thẩm

quyền, tổng thời hạn giải quyết, hồ sơ quá hạn, chất lượng hướng dẫn, phản ánh và kiến nghị của tổ chức, cá nhân; thực hiện qua dữ liệu kết hợp kiểm tra theo thẩm quyền. Cơ quan trung ương hướng dẫn, theo dõi và xử lý vướng mắc; địa phương chịu trách nhiệm về kết quả giải quyết, cập nhật dữ liệu và giải trình, không đặt thêm hồ sơ, yêu cầu ngoài quy định.

e) Kết quả đánh giá về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

Dự thảo tạo cơ sở quản lý dựa trên dữ liệu, tiếp nhận hồ sơ và thông báo bằng phương tiện điện tử, lưu chiểu điện tử, nhận diện và truy xuất nguồn gốc xuất bản phẩm; hỗ trợ xuất bản điện tử, liên kết và khai thác hợp pháp nội dung. Hiệu quả phụ thuộc vào chất lượng, khả năng kết nối dữ liệu, hạ tầng, nhân lực và năng lực đầu tư của từng chủ thể. Việc triển khai cần chuẩn hóa dữ liệu, quy trình nghiệp vụ, đầu mối phối hợp; bảo đảm xác thực, an toàn thông tin, bảo vệ dữ liệu cá nhân và bản quyền; sử dụng lại hệ thống hiện có, có phương thức xử lý khi hệ thống chưa triển khai hoặc gặp sự cố. Các yêu cầu nguồn lực được xác định tại mục VI của Tờ trình.

g) Kết quả đánh giá về bình đẳng giới và việc thực hiện chính sách dân tộc

Qua rà soát trong phạm vi dự thảo, chưa phát hiện quy định trực tiếp phân biệt quyền, nghĩa vụ hoặc điều kiện tham gia hoạt động xuất bản theo giới tính hay thành phần dân tộc. Việc áp dụng tiêu chuẩn, điều kiện và giải quyết thủ tục phải khách quan, công khai, bình đẳng. Chuyển đổi số có thể giảm thời gian, chi phí nhưng cũng có thể tạo rào cản do khác biệt về kết nối, thiết bị, kỹ năng số và hoàn cảnh thực tế; cần duy trì hướng dẫn, hỗ trợ tiếp cận dịch vụ, nhất là tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng sâu, vùng xa, và theo dõi tác động khác nhau đối với nam, nữ để kịp thời xử lý.

Các quy định về xuất bản điện tử, lưu trữ và khai thác dữ liệu có thể hỗ trợ bảo tồn, phổ biến tiếng nói, chữ viết, tri thức, lịch sử và văn hóa của các dân tộc. Hiệu quả thực tế cần gắn với điều kiện triển khai và các chính sách, chương trình hỗ trợ có liên quan; không suy từ việc không có phân biệt đối xử trực tiếp thành kết luận không có tác động khác biệt trong thực tiễn.

h) Vấn đề còn ý kiến khác nhau cần xin ý kiến cấp có thẩm quyền và kiến nghị phương án giải quyết (nội dung này được cập nhật sau khi tổng hợp kết quả lấy ý kiến góp ý và thẩm định, nếu có).

V. NHỮNG NỘI DUNG BỔ SUNG MỚI SO VỚI DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH GỬI THẨM ĐỊNH (NẾU CÓ)

Nội dung này được cập nhật sau khi có báo cáo thẩm định và hoàn thành việc tiếp thu, chỉnh lý.

VI. DỰ KIẾN NGUỒN LỰC, ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM CHO VIỆC THI HÀNH NGHỊ ĐỊNH VÀ THỜI GIAN TRÌNH BAN HÀNH

1. Nguồn nhân lực

Dự kiến tổ chức thực hiện trên cơ sở bộ máy, nhân lực của cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch và địa phương rà soát khối lượng công việc theo từng nhóm nhiệm vụ: cấp phép, chấp thuận, xác nhận; tiếp nhận, quản lý thông báo; quản lý dữ liệu; đọc, kiểm tra, thẩm định lưu chiểu; giám sát hoạt động điện tử và xử lý vi phạm. Bố trí công chức theo vị trí việc làm, xác định đầu mối phối hợp và bồi dưỡng năng lực chuyên môn, kỹ năng số; chú trọng thẩm quyền mới của cấp xã và yêu cầu chuyển giao hồ sơ. Nhu cầu nhân lực được xác định trên cơ sở khối lượng, phạm vi công việc thực tế và phương án tổ chức được cấp có thẩm quyền quyết định. Đồng thời bố trí năng lực quản trị dữ liệu, vận hành hệ thống, an toàn thông tin; tập huấn quy trình điện tử, kiểm tra điều kiện và hỗ trợ tổ chức, doanh nghiệp sử dụng dịch vụ công.

2. Nguồn tài chính

Kinh phí thực hiện được bố trí từ ngân sách nhà nước theo phân cấp ngân sách và các nguồn hợp pháp khác theo quy định. Các cơ quan được giao nhiệm vụ lập nhu cầu kinh phí gắn với nội dung, tiến độ và sản phẩm cụ thể, gồm rà soát, công bố thủ tục; phổ biến, tập huấn; chuyển giao, chuẩn hóa dữ liệu; duy trì, nâng cấp hệ thống thông tin và lưu chiểu điện tử; đọc, kiểm tra, thẩm định, giám sát và xử lý vi phạm. Dự toán được tổng hợp, trình cấp có thẩm quyền xem xét theo pháp luật về ngân sách nhà nước và pháp luật có liên quan; không xác định mức kinh phí khi chưa có căn cứ tính toán.

Việc phân bổ, sử dụng kinh phí phải phù hợp chức năng, nhiệm vụ và phương án triển khai, ưu tiên kế thừa hạ tầng hiện có, kết nối dữ liệu và tránh đầu tư trùng lặp. Phân biệt kinh phí đầu tư, chi vận hành thường xuyên, kinh phí thực hiện nhiệm vụ chuyên môn và chi phí tuân thủ của tổ chức, cá nhân; xác định trách nhiệm chi trả theo đúng pháp luật. Nhu cầu bổ sung, nếu có, được báo cáo kèm thuyết minh khối lượng công việc, dự toán và khả năng cân đối. Dự thảo Nghị định không còn điều riêng về kinh phí tổ chức thực hiện; việc bảo đảm nguồn lực được tổ chức theo pháp luật hiện hành và nhiệm vụ được giao. Đánh giá riêng khả năng đáp ứng của nhà xuất bản, cơ sở in và tổ chức, doanh nghiệp theo quy mô, năng lực tài chính, hạ tầng và nhân lực; xác định chi phí nâng cấp phần mềm, lưu trữ, sao lưu, bảo vệ bản quyền và kết nối dữ liệu. Các yêu cầu này là chi phí triển khai dự kiến, không phải khoản kinh phí hoặc mức tiết kiệm đã được lượng hóa.

3. Điều kiện bảo đảm thi hành

Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch chủ trì phổ biến nội dung mới; hoàn thiện văn bản, mẫu, biểu mẫu theo Điều 6, quy chế đọc, kiểm tra, thẩm định lưu chiểu và hướng dẫn kỹ thuật thuộc thẩm quyền; rà soát, công bố, cập nhật thủ tục hành chính; công khai đầu mối, địa chỉ và hệ thống tiếp nhận thông báo. Chuẩn bị phương án vận hành cơ sở dữ liệu, kết nối, lưu chiểu điện tử, sao lưu, khôi phục, xác nhận giao nhận và xử lý sự cố; xây dựng lộ trình định danh, truy xuất nguồn

gốc theo Điều 11 phù hợp khả năng thực hiện. Hướng dẫn việc điều chỉnh, chấm dứt hoạt động, xử lý hồ sơ, dữ liệu và bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp của các bên; tổ chức theo dõi, kiểm tra và kịp thời xử lý vướng mắc trong thi hành. Việc công bố thủ tục phải đồng bộ tên, mã, đối tượng, cơ quan có thẩm quyền, thành phần hồ sơ, kết quả và thời hạn với quy trình nội bộ, quy trình điện tử; phân định rõ cơ quan tiếp nhận, xử lý và chủ thể ký kết quả. Theo dõi hồ sơ quá hạn, mức độ khai thác lại dữ liệu và phản ánh của người thực hiện để kịp thời chấn chỉnh.

Các cơ quan có liên quan lập danh mục, kiểm kê, bàn giao hồ sơ, tài liệu, dữ liệu trong thời hạn 90 ngày theo điểm h khoản 3 Điều 3 của Luật số 17/2026/QH16; xác định cơ quan tiếp nhận, đầu mối quản lý và trách nhiệm tiếp tục giải quyết công việc. Địa phương hướng dẫn thủ tục đối với chi nhánh cơ sở in, chi nhánh và địa điểm kinh doanh phát hành; theo dõi thời hạn bổ sung điều kiện, yêu cầu, tiêu chuẩn theo từng nhóm chuyển tiếp. Việc kết nối, chia sẻ dữ liệu phải có phân quyền truy cập, cơ chế kiểm tra tính đầy đủ, chính xác và trách nhiệm bảo mật; sử dụng phương thức tiếp nhận thay thế khi hệ thống chưa triển khai hoặc gặp sự cố để không gián đoạn thực hiện quyền, nghĩa vụ.

4. Thời gian trình và ban hành

Dự kiến trình Chính phủ trong tháng 12 năm 2026 theo nhiệm vụ tại Quyết định số 1772/QĐ-TTg; đề nghị xem xét ban hành kịp thời để các quy định có hiệu lực đồng thời với Luật từ ngày 01 tháng 3 năm 2027, trừ nội dung về in xuất khẩu áp dụng từ ngày 01 tháng 01 năm 2029. Tiến độ hoàn thiện hồ sơ phải bảo đảm đầy đủ thời gian lấy ý kiến, thẩm định, tiếp thu, giải trình và tuân thủ quy định về ban hành, thời điểm có hiệu lực của văn bản quy phạm pháp luật. Việc chuẩn bị biểu mẫu, thủ tục, đầu mối tiếp nhận, hệ thống thông tin và hướng dẫn chuyển tiếp được thực hiện đồng bộ với quá trình hoàn thiện Nghị định.

Trên đây là Tờ trình về dự thảo Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xuất bản. Hồ sơ trình Chính phủ gồm các tài liệu kèm theo dưới đây:

1. Dự thảo Nghị định.

2. Báo cáo tổng kết và kèm phụ lục rà soát các chủ trương, đường lối của Đảng, văn bản quy phạm pháp luật, điều ước quốc tế có liên quan.

3. Bản đánh giá thủ tục hành chính, việc phân quyền, phân cấp, ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, bảo đảm bình đẳng giới,

việc thực hiện chính sách dân tộc; các biểu mẫu đánh giá, bảng tính chi phí tuân thủ và danh mục thủ tục hành chính kèm theo.

4. Bản tổng hợp góp ý và phản biện xã hội.

5. Bản so sánh và thuyết minh nội dung dự thảo Nghị định.

6. Báo cáo thẩm định của Bộ Tư pháp.

7. Báo cáo tiếp thu ý kiến thẩm định.

Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch kính trình Chính phủ xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Thủ tướng Chính phủ (để b/c);
- Các Phó Thủ tướng Chính phủ (để b/c);
- Bộ trưởng (để b/c);
- Thứ trưởng Trịnh Thị Thủy;
- Ban Thường vụ Đảng uỷ Bộ VHTTDL;
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ: TP, NG, KHCN, CA, QP, NV, TC;
- Lưu: VT, XBTV.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Trịnh Thị Thủy